TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2023/DS-ST
Ngày 26 - 6 - 2023
V/v tranh chấp vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quốc Trung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dư Thị Út**

2. Bà **Khưu Liên Dung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tố Như** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 06 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2023/TLST–DS ngày 07 tháng 04 năm 2023, về việc tranh chấp vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 05 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Hứa Minh T,** sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 35, đường L, Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Lê Thị Ánh N**, sinh năm 1947. Địa chỉ: Số 138, Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại Đơn khởi kiện ngày 30/03/2023 và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn ông Hứa Minh T trình bày:* Ngày 29/10/2021 ông cho bà Lê Thị Ánh N vay 25.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn cho vay là 17 tháng tính từ ngày 29/10/2021 đến ngày 29/03/2022, mỗi tháng bà N trả cho ông 1.000.000 đồng tiền gốc và 500.000 đồng tiền lãi, trả đến khi nào hết nợ, lãi suất theo dư nợ gốc giảm dần. Khi cho vay hai bên có làm "Văn bản thoả thuận cam kết" lập tại Văn phòng công chứng C ngày 29/10/2021, ông đã giao cho bà N nhận đủ 25.000.000 đồng tại Văn phòng công chứng Cao Thị Niềm. Từ khi vay tiền đến nay, bà N không trả cho ông bất cứ khoản tiền gốc và lãi nào, mặc dù thời hạn vay đã hết và ông đã nhiều lần yêu cầu bà N trả nợ nhưng bà N không trả nợ như các bên đã thoả

thuận. Nay ông yêu cầu bà N trả cho ông số tiền vay gốc là 25.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 29/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 1,66%/tháng. Ngoài ra, ông không còn yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn bà Lê Thị Ánh N:* Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không có lời khai tại Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:* Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu bà N trả cho ông số tiền vay gốc là 25.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 29/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,66%/tháng. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà N phải chịu toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông T khởi kiện yêu cầu bà N, cư trú tại số 138, Khóm 10, Phường 1, thành phố Bạc liêu, tỉnh Bạc Liêu trả nợ vay theo hợp đồng các bên đã thỏa thuận, như vậy, đây là tranh chấp vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà: Nguyên đơn ông T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà N đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không rõ lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà N.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu bà N trả số tiền vay 25.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 29/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 1,66%/tháng, thấy rằng: Ông T xác định ngày 29/10/2021 ông cho bà N vay 25.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn cho vay là 17 tháng tính từ ngày 29/10/2021 đến ngày 29/03/2022, mỗi tháng bà N trả cho ông 1.000.000 đồng tiền gốc và 500.000 đồng tiền lãi, trả đến khi nào hết nợ; khi cho vay hai bên có làm "Văn bản thoả thuận cam kết" lập tại Văn phòng công chứng Cao Thị Niềm vào ngày 29/10/2021. Xét thấy, theo "Văn bản thoả thuận cam kết" lập tại Văn phòng công chứng Cao Thị Niềm vào ngày 29/10/2021 thể hiện các bên có thỏa thuận vay tiền đúng như ông T trình bày, các bên ký kết hợp đồng vay tự nguyện, nên có căn cứ xác định bà N vay của ông T 25.000.000 đồng. Các bên thoả thuận

lãi suất 2%/tháng là vượt mức quy định của pháp luật, tuy nhiên ông T xác định từ khi vay tiền đến nay bà N chưa trả cho ông khoản nợ gốc và khoản nợ lãi nào. Đối với bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh bà có trả tiền gốc cũng như trả tiền lãi cho ông T. Do đó, ông T yêu cầu bà N trả nợ gốc vay 25.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Đối với lãi suất: Ông T yêu cầu bà N trả tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày vay (ngày 29/10/2021) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/06/2023) là phù hợp tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nên có căn cứ chấp nhận, cụ thể: (25.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 19 tháng 27 ngày) = 8.258.500 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, nên bà N phải chịu toàn bộ theo quy định pháp luật.

[4] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T đối với bà N là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Minh T đối với bà Lê Thị Ánh N.

Buộc bà Lê Thị Ánh N có nghĩa vụ trả cho ông Hứa Minh T số tiền vay gốc là 25.000.000 đồng và lãi suất số tiền 8.258.500 đồng, tổng cộng gốc và lãi số tiền 33.258.500 đồng (Ba mươi ba triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

2.1. Buộc bà Lê Thị Ánh N phải chịu 1.662.925 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

2.2. Ông Hứa Minh T không phải chịu. Ông T đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 773.750 đồng (bằng chữ: Bảy trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) theo Biên lai thu tiền số 0008580 ngày 07/04/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại cho ông

Hứa Minh T số tiền 773.750 đồng (bằng chữ: Bảy trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

3. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu;
- Chi cục THADS thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Quốc Trung